

Số: **3214** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **14** tháng **12** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 13597/BTC-HCSN ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tài chính về bổ sung dự toán năm 2023 điều chỉnh tiền lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán năm 2023 điều chỉnh tiền lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương: *(phụ lục đính kèm)*

Điều 2. Thủ trưởng đơn vị được giao bổ sung dự toán năm 2023 điều chỉnh tiền lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu xác định nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương.

Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2023 được giao, đơn vị thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành; cân đối nguồn kinh phí tự chủ để chi trả cho các đối tượng tăng bậc lương năm 2023 theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

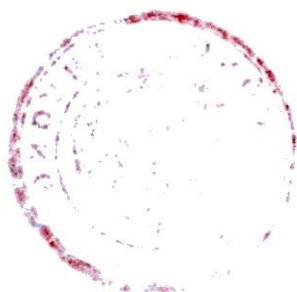
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (Vụ HCSN, Vụ NSNN);
- Kho bạc Nhà nước;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Hệ thống TABMIS;
- Công thông tin điện tử BCT;
- Lưu: VT, KHTC.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Phan Thị Thắng



BỘ CÔNG THƯƠNG

**TỔNG HỢP BỔ SUNG GIAO DƯ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023 ĐIỀU CHỈNH LƯƠNG CƠ SỞ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

(kèm theo Quyết định số: 3214 /QĐ-BCT ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: tr đồng

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã KBNN	Mã NS đơn vị sử dụng	Ngân sách nhà nước 2023	
					Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
A	B	C	D	Đ	I	2
I	Loại 340 - 341: Quản lý nhà nước				71.768	
	Tổng Cục Quản lý thị Trường	Hà Nội	0011	1.113.505	59.475	
	Ủy ban Cảnh tranh quốc gia	Hà Nội	0011	1.131.518	569	
	Văn phòng Bộ Công Thương	Hà Nội	0011	1.053.956	6.236	
	Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế	Hà Nội	0011	1.052.026	227	
	Cục Xúc tiến thương mại	Hà Nội	0011	1.113.499	732	
	Cục Công thương địa phương	Hoàn Kiếm - HN	0013	1.131.521	522	
	Cục Phòng vệ thương mại	Hà Nội	0011	1.131.523	439	
	Cục Hóa chất	Hà Nội	0011	1.113.503	204	
	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	Hoàn Kiếm - HN	0013	1.113.501	427	
	Cục Xuất Nhập khẩu	KBTW	0011	1.117.402	914	
	Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp	Hoàn Kiếm - HN	0013	1.113.500	370	
	Cục Điều tiết điện lực	Thanh Xuân - HN	0022	1.113.502	589	
	Cục Công nghiệp	Hà Nội	0011	1.131.529	466	
	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo	Hà Nội	0011	1.131.508	598	

Ghi chú:

- Công văn số 13597/BTC-HCSN ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tài chính về bổ sung dự toán năm 2023 điều chỉnh tiền lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP

BỘ CÔNG THƯƠNG

TỔNG HỢP BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023 VỀ ĐIỀU CHỈNH LƯƠNG CƠ SỞ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP CHO CÁC TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ SỰ NGHIỆP Y TẾ
(Kèm theo Quyết định số: 3214 /QĐ-BCT ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã KBNN	Mã NS đơn vị sử dụng	Ngân sách nhà nước 2023	
					Tổng kinh phí	Nguồn dự toán chi cải cách tiền lương
A	B	C	D	Đ	3	4
I	Các tổ chức khoa học và công nghệ (Loại 100 - Khoản 101)				3.323	3.323
1	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương	Thành phố - Hà Nội	0011	1054054	1.136	1.136
2	Viện Nghiên cứu Điện tử, Tin học Tự động hóa	Q. Hoàn Kiếm - Hà Nội	0013	1054056	224	224
3	Viện Công nghiệp Thực phẩm	Q. Thanh Xuân - Hà Nội	0022	1054055	913	913
4	Viện Nghiên cứu Dầu và Cây có Dầu	Quận I - TP HCM	0133	1054061	250	250
5	Viện Nghiên cứu Da Giấy	Quận Tây Hồ - Hà Nội	0021	1054096	96	96
6	Viện Nghiên cứu Thiết kế chế tạo máy nông nghiệp	Q. Thanh Xuân - Hà Nội	0022	1119617	425	425
8	Viện Nghiên cứu Sành sứ Thủy tinh công nghiệp	Q. Thanh Xuân - Hà Nội	0022	1054060	279	279
II	Sự nghiệp y tế (Loại 130 - Khoản 132)				1.398	1.398
1	Trung tâm Y tế Môi trường Công thương	Q Ba Đình - Hà Nội	0012	1054094	1.398	1.398
	Tổng cộng				4.721	4.721

Ghi chú: Điều chỉnh bổ sung dự toán ngân sách năm 2023 căn cứ theo Công văn số 13597/BTC-HCSC ngày 08/12/2023 của Bộ Tài chính về việc bổ sung dự toán năm 2023 điều chỉnh tiền lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP. Ngoài ra không cấp bổ sung điều chỉnh lương cơ sở cho Viện Nghiên cứu Cơ khí do năm 2023 Viện thuộc Nhóm 2 nhóm tổ chức khoa học và công nghệ tự đảm bảo chi thườn xuyên./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

TỔNG HỢP BỎ SUNG GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023 ĐIỀU CHỈNH LƯƠNG CƠ SỞ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP

SỰ NGHIỆP KINH TẾ

3214

(kèm theo Quyết định số: 3214 /QĐ-BCT ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã KBNN	Mã NS đơn vị sử dụng	Ngân sách nhà nước 2023	
					Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
A	B	C	D	Đ	1	2
I	Loại 280 khoản 321: SỰ NGHIỆP KINH TẾ				0	1.844
	Ủy ban Cảnh tranh quốc gia	Hà Nội	0011	1.131.518		83
	Cục Xúc tiến thương mại	Hà Nội	0011	1.113.499		368
	Cục Công thương địa phương	Hoàn Kiếm - HN	0013	1.131.521		162
	Cục Phòng vệ thương mại	Hà Nội	0011	1.131.523		99
	Cục Hóa chất	Hà Nội	0011	1.113.503		64
	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	Hoàn Kiếm - HN	0013	1.113.501		271
	Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp	Hoàn Kiếm - HN	0013	1.113.500		226
	Cục Điều tiết điện lực	Thanh Xuân - HN	0022	1.113.502		90
	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo	Hà Nội	0011	1.131.508		93
	Nhà xuất bản công thương	Hoàn Kiếm - Hà Nội	0011	1.101.795		121
	Trung tâm Thông tin công nghiệp và Thương mại	Hoàn Kiếm - Hà Nội	0013	1.055.532		267

Ghi chú:

- Công văn số 13597/BTC-HCSN ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tài chính về bổ sung dự toán năm 2023 điều chỉnh tiền lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP

TỔNG HỢP GIAO BÓ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

KINH PHÍ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ

(Kèm theo Quyết định số: 3214 /QĐ-BCT ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã số SDNS của đơn vị	Mã KBNN	Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước		
					Tổng số	Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
I	Bổ sung dự toán năm 2023 điều chỉnh tiền lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP				34.356	0	34.356
	<i>Giáo dục đại học: Loại 070 khoản 081</i>				10.890	0	10.890
1	Trường Đại học CN Quảng Ninh	Đồng triều - Quảng Ninh	1054142	2815	2.610		2.610
2	Trường Đại học Sao Đỏ	Chí Linh - Hải Dương	1054186	0366	2.664		2.664
3	Trường Đại học CN Việt Hưng	Sơn Tây - Hà Nội	1054099	0033	3.054		3.054
4	Trường Đại học CN Việt Trì	Phù ninh - Phú Thọ	1054017	1266	2.562		2.562
	<i>Sự nghiệp Giáo dục - đào tạo và dạy nghề - Giáo dục nghề nghiệp trình độ Cao đẳng: Loại 070 khoản 093</i>				23.466	0	23.466
1	Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM	Thủ Đức - TP HCM	1054138	0136	0		0
2	Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại	Thái Nguyên	1054146	2261	2.460		2.460
3	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	Quận I - TP HCM	1054208	0133	0		0
4	Trường Cao đẳng Công Thương Miền Trung	Phú Yên	1054211	2161	1.848		1.848
5	Trường Cao đẳng CN Nam Định	Tỉnh Nam Định	1054188	0261	1.644		1.644
6	Trường Cao đẳng CN Huế	Thừa Thiên Huế	1054182	1611	0		0

STT	Tên đơn vị	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã số SDNS của đơn vị	Mã KBNN	Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước		
					Tổng số	Trong đó	
						Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
7	Trường Cao đẳng CN Việt Đức	Sông Công - Thái Nguyên	1054147	2269	1.112		1.112
8	Trường Cao đẳng Công nghệ và K tế CN	Phổ Yên - Thái Nguyên	1054098	2263	1.619		1.619
9	Trường Cao đẳng Kinh tế CN Hà Nội	Thanh Trì - Hà Nội	1054139	0018	259		259
10	Trường Cao đẳng CN & Xây dựng	Uông Bí - Quảng Ninh	1054185	2812	2.011		2.011
11	Trường Cao đẳng CN và TM (Phúc Yên)	Phúc Yên - Vĩnh Phúc	1054183	1219	1.674		1.674
12	Trường Cao đẳng CN Thái Nguyên	Thái Nguyên	1054184	2261	1.548		1.548
13	Trường Cao đẳng CN Thực phẩm (V.Tri)	Phú Thọ	1054144	1261	1.764		1.764
14	Trường Cao đẳng CN Hưng Yên	Mỹ Hào - Hưng Yên	1054143	0412	1.698		1.698
15	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghiệp	Bắc Giang	1054097	1161	0		0
16	Trường Cao đẳng TM (Đà Nẵng)	Q. Thanh Khê - Đà Nẵng	1055486	0163	1.548		1.548
17	Trường Cao đẳng TM và DL	Thái Nguyên	1055487	2261	904		904
18	Trường Cao đẳng kinh tế KT T.mại	Hà Đông - Hà Nội	1055485	0026	1.659		1.659
19	Trường Cao đẳng kinh tế đối ngoại	Q. Phú Nhuận - TP HCM	1055533	0119	0		0
20	Trường Cao đẳng Du lịch và Công Thương	Cẩm Giàng - Hải Dương	1055491	0365	0		0
21	Trường Cao đẳng KTKT Công Thương	Thanh Hóa	1055564	1361	834		834
22	Trường Đào tạo bồi dưỡng Cán bộ Công thương TW	Q. Hoàng Mai - Hà Nội	1055490	0025	200		200
23	Trường Cao đẳng Công Thương Phú Thọ	Phù ninh - Phú Thọ	1058722	1266	684		684
	Tổng số				34.356	0	34.356